

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ NINH
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HSST

NHÂN DANH

Ngày 22 tháng 3 năm 2019

N- ÓC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ NINH - TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Phạm Hồng Vân**

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Mạnh Hùng**

Bà Nguyễn Thị Hoa

- Th- ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Đào Thị Anh Ninh** - Cán bộ TAND huyện Phù Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh tham gia phiên toà: Bà **Vương Thị Đàm Chuyên** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/3/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2019/TLST-HS ngày 22/02/2019 đối với các bị cáo:

1. PHẠM NGỌC T; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 07/07/1987; Nơi ĐKKHKT: khu 3, xã L, huyện P, tỉnh Phú Thọ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ văn hóa: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Phạm Ngọc C, sinh năm 1958; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị S, sinh năm 1957 (Hiện đều ở khu 3, xã L, huyện P, tỉnh Phú Thọ); Anh, chị em ruột: Có 03 anh em, bị can là con thứ hai; Vợ: Trịnh Thị Út L1, sinh năm 1993; Con: có 2 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2016; Vợ con bị can đều ở khu 3, xã L, huyện P; Tiền án, tiền sự: Không.

Tiền sử: Năm 2006 bị Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Bị can bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/11/2018 đến ngày 05/12/2018 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi trú. Hiện bị can đang tại ngoại tại xã L, huyện P, tỉnh Phú Thọ. (Bị cáo có mặt)

2. ĐỖ VĂN B; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 01/5/1991; Nơi ĐKKHKT: khu 3, xã L, huyện P, tỉnh Phú Thọ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Đỗ Ngọc T1, sinh năm 1948; Mẹ đẻ: Tạ Thị T2, sinh năm 1946 (Hiện đều ở khu 3, xã L, huyện P, tỉnh Phú Thọ); Anh, chị em ruột: Có 08 anh chị em, bị can là con thứ bảy; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị can bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/11/2018 đến ngày 05/12/2018 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi trú. Hiện bị can đang tại ngoại tại xã L, huyện P, tỉnh Phú Thọ. (Bị cáo có mặt)

3. ĐỖ VĂN D; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 14/6/1987; Nơi ĐKHKTT: khu 5, xã H, huyện P, tỉnh Phú Thọ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ văn hóa: 10/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Bố đẻ: Đỗ Văn Đ, đã chết; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị T3, sinh năm 1957(Hiện ở khu 5, xã H, huyện P, tỉnh Phú Thọ); Anh, chị em ruột: Có 04 anh chị em, bị can là con thứ tư; Vợ: Trần Thị T4 - đã ly hôn; Vợ: Nguyễn Thị G - sinh năm 1991 - hiện không rõ ở đâu; Con: có hai con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không.

Tiền sử: Năm 2006 bị Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh xử phạt 15 tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách 30 tháng về tội “*Trộm cắp tài sản*”

Năm 2013 bị TAND huyện Phù Ninh xử phạt 12 tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

Bị can bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/11/2018 đến ngày 05/12/2018 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi trú. Hiện bị can đang tại ngoại tại xã H, huyện P, tỉnh Phú Thọ. (Bị cáo có mặt)

4. NGUYỄN VĂN C1; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 23/3/1985; Nơi ĐKHKTT: khu 2, xã H, huyện P, tỉnh Phú Thọ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 4/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Nguyễn Văn C2 - sinh năm 1960; Mẹ đẻ: Phạm Thị T5 - sinh năm 1964(Hiện đều ở khu 2, xã H, huyện P, tỉnh Phú Thọ); Anh, chị em ruột: Có 03 anh em, bị can là con thứ nhất; Vợ: Nguyễn Thị Hà M - đã chết; Con: có ba con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị can bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/11/2018 đến ngày 05/12/2018 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi trú. Hiện bị can đang tại ngoại tại xã H, huyện P, tỉnh Phú Thọ. (Bị cáo có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Thái H1 - sinh năm 1989
Địa chỉ: khu 6, xã H, huyện P, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

NHẬN THẤY

Các bị cáo Phạm Ngọc T, Đỗ Văn B; Đỗ Văn D; Nguyễn Văn C1 bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 29/11/2018, Đỗ Văn B - sinh năm 1991, trú tại khu 3, xã L, huyện P; Đỗ Văn D - sinh năm 1987, trú tại khu 5, xã H, huyện P; Nguyễn Văn C1 - sinh năm 1985, trú tại khu 2, xã H, huyện P; Nguyễn Khắc N - sinh năm 1993, trú tại khu 3, xã L, huyện P lần lượt đến nhà Phạm Ngọc T - sinh năm 1987 ở khu 3, xã L, huyện P, tỉnh Phú Thọ chơi. Trong khi ngồi uống nước, nói chuyện, D thấy ở gầm bàn có một bộ bài túlôkhor nên cầm lấy rồi chơi bài “sâm” vui với B tại bàn uống nước. Khoảng 15 phút sau, D, B, C1, N rủ nhau đánh bài ăn tiền bằng hình thức chơi “liêng”. Tất cả đồng ý. T lấy chiếc chiếu trải xuống nền phòng khách nhà mình. B cầm bộ bài túlôkhor vừa dùng chơi với D để xuống chiếu rồi D, C1 và N cùng ngồi xuống chiếu. B,

D, C1 cùng thống nhất: mỗi ván mỗi người đánh bạc bỏ ra giữa chiếu 50.000 đồng gọi là “vào gà” hoặc “chồng cửa” và được chia ba quân bài. Nếu có người muốn bỏ thêm tiền đánh bạc và có người muốn theo thì cùng nhau bỏ thêm tiền vào giữa chiếu. Sau đó người đánh bạc cộng điểm của ba quân bài được chia để tính điểm, ai có điểm bài cao hơn thì thắng. Cách tính điểm bài: quân bài “A” (át) tính là một điểm, các quân bài từ 2 (hai) đến 9 (chín) thì số điểm tương ứng với số của quân bài; các quân bài “10”, “J”, “Q”, “K” đều tính là 0 (không) điểm. Ngoài ra còn quy định: bài “sáp” là bài có 03 quân bài trùng nhau. Bài “liêng” là bài có ba quân bài liên kế liên tiếp nhau. Ai có bài “sáp”, bài “liêng” thì thắng bạc và mỗi người thua phải trả cho người thắng số tiền 100.000 đồng. Sau khi thống nhất, D, C1, B bắt đầu đánh bạc, còn N do có ít tiền nên ngồi xem. Khi tham gia đánh bạc B có 3.100.000 đồng; D có 3.000.000 đồng; C1 có 1.800.000 đồng. B, D, C1 đều để hết số tiền này xuống chiếu để đánh bạc.

Ngồi xem được một lúc thì Nguyễn Khắc N dùng bài của B để đánh bạc với C1 (tức là N lấy điểm bài của B để so điểm với bài của C1. Nếu điểm bài của B cao hơn của C1 thì N thắng bạc, nếu điểm bài của B thấp hơn bài của C1 thì N thua C1 và phải trả tiền cho C1). N có 590.000 đồng. N lấy 90.000 đồng để xuống chiếu nhưng chỉ dùng 50.000 đồng để đánh bạc với C1, còn lại 40.000 đồng N không sử dụng đánh bạc. N đánh với C1 3 ván, mỗi ván mức chơi 50.000 đồng. N thắng 01 ván, thua 02 ván nên thua C1 50.000 đồng. Sau đó N có việc ra về trước. Khi N ra đến cửa thì T hỏi vay N 500.000 đồng. N đồng ý và đưa tiền cho T.

Một lúc sau có Nguyễn Thái H1 - sinh năm 1989, HKTT khu 6, xã H, P đến nhà T chơi, uống nước. Khi N về thì Phạm Ngọc T ngồi xuống chiếu chỗ N vừa ngồi tham gia đánh bạc cùng B, D và C1. T có khoảng hơn 3.000.000 đồng (số tiền lẻ T không nhớ chính xác), trong đó có cả số tiền 500.000 đồng T vay của N. Khi vay tiền T không nói với N mục đích để làm gì. T để tất cả số tiền mình có xuống chiếu để đánh bạc. H1 cũng ngồi xuống chiếu nhưng chỉ xem mà không tham gia đánh bạc. Trong quá trình đánh bạc, D có nhờ H1 lên hộ bài hai đến ba ván. Một lúc sau, N quay lại nhà T nhưng chỉ ngồi xem T, B, D, C1 đánh bạc. B, D, C1, T đánh bạc đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Phù Ninh phát hiện bắt quả tang. N bỏ chạy khỏi nhà T. Công an huyện Phù Ninh lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ trên chiếu số tiền 10.980.000 đồng, 52 quân bài tú lơ khơ; tạm giữ số tiền của Nguyễn Thái H1 400.000 đồng do H1 tự giao nộp. Khi bị Công an huyện Phù Ninh bắt quả tang cả B, D, C1, T đều không xác định được mình đang thắng hay thua bạc. Khám xét chỗ ở của T nhưng không thu giữ gì.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra cũng đã triệu tập Nguyễn Khắc N đến làm việc.

Tại Cơ quan điều tra Phạm Ngọc T, Đỗ Văn B, Đỗ Văn D, Nguyễn Văn C1 khai nhận bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai của các bị cáo T, B, D, C1 phù hợp với lời khai của những người liên quan đến vụ án; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang; phù hợp với vật chứng đã thu giữ và các tài liệu điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số: 17/CT-VKS ngày 20/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh - Phú Thọ đã truy tố các bị cáo Phạm Ngọc T, Đỗ Văn B; Đỗ Văn D;

Nguyễn Văn C1 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay,Vi đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 36 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Đỗ Văn D từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ, trừ cho bị cáo 6 ngày tạm giữ quy đổi thành 18 ngày cải tạo không giam giữ, buộc bị cáo phải chấp hành từ 17 tháng 12 ngày đến 23 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1 điều 321; điểm s khoản 1 điều 51; điều 36 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, trừ cho bị cáo 6 ngày tạm giữ quy đổi thành 18 ngày cải tạo không giam giữ, buộc bị cáo phải chấp hành từ 14 tháng 12 ngày đến 17 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ.

Ngoài ra còn đề nghị xử phạt bổ sung bị cáo D và T từ 10.000.000 đến 15.000.000đ.

Áp dụng khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1 điều 51; điều 36 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Đỗ Văn B và Nguyễn Văn C1 từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, trừ cho hai bị cáo 6 ngày tạm giữ quy đổi thành 18 ngày cải tạo không giam giữ, buộc bị cáo B và C1 phải chấp hành từ 11 tháng 12 ngày đến 14 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ.

Ngoài ra còn đề nghị miễn khấu trừ thu nhập của bị cáo Đỗ Văn B và Nguyễn Văn C1, buộc bị cáo phải thực hiện công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Ngoài ra Viện kiểm sát còn đề nghị về xử lý vật chứng của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Khoảng 20 giờ 15 phút đến 21 giờ 30 phút ngày 29/11/2018, tại nhà ở của Phạm Ngọc T - sinh năm 1987 ở khu 3, xã L, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, Tuấn cùng Đỗ Văn Báo - sinh năm 1991, trú tại khu 3, xã Lê Mỹ, huyện P; Đỗ Văn D - sinh năm 1987, trú tại khu 5, xã H, huyện P; Nguyễn Văn C1 - sinh năm 1985, trú tại khu 2, xã H, huyện P cùng nhau đánh bạc hình thức chơi “liêng” ăn tiền thì bị Công an huyện Phù Ninh phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc tổng số tiền 10.980.000 đồng.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của những người liên quan; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang; phù hợp với vật chứng đã thu giữ và các tài liệu điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án.Vì vậy hành vi của các bị cáo đã bị VKS nhân dân huyện Phù Ninh truy tố về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Vì vậy, cần phải xử phạt thật nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Về nhân thân của bị cáo Phạm Ngọc T và Đỗ Văn D không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Ngoài ra bố đẻ của Đỗ Văn D là ông Đỗ Văn Đ là người được tặng thưởng huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước nên bị cáo được áp dụng khoản 2 điều 51 của BLHS 2015. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt thì hai bị cáo T và D mức hình phạt cao hơn B và C1.

Đối với bị cáo Đỗ Văn B và Nguyễn Văn C1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải vì vậy hai bị cáo B và C1 được áp dụng 2 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 điều 51 BLHS 2015. Do đó khi lượng hình cần xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo tự cải tạo bản thân trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, cũng là thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[5] Căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên và xét hành vi phạm tội của các bị cáo là ít nghiêm trọng. Do đó khi lượng hình cần xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo tự cải tạo bản thân trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, cũng là thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[6] Đối với Nguyễn Thái H1 được Đỗ Văn D nhờ lên hộ 02 đến 03 ván trong quá trình D, B, C1, T đánh bạc. Nhưng H1 không hưởng lợi gì từ việc lên bài hộ này, cũng không tham gia đánh bạc cùng với D, B, C1, T mà chỉ ngồi xem số người này đánh bạc nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[7] Nguyễn Khắc N lợi dụng việc D, B, C1 đánh bạc cùng nhau để “kê cửa” đánh bạc riêng với C1. Việc đánh bạc giữa N và C1 là thỏa thuận riêng giữa N và C1. N và C1 đánh bạc với nhau 03 ván. Mỗi ván mức chơi 50.000 đồng. N bị thua bạc số tiền 50.000 đồng. Sau đó N không đánh bạc nữa mà ra về. Khi N ra về thì T hỏi vay N 500.000 đồng. Khi hỏi vay, T không nói cho N biết mục đích vay tiền dùng vào mục đích đánh bạc, N cũng không hỏi T mục đích vay tiền làm gì. Sau đó T ngồi xuống đánh bạc cùng B, D, C1. N chưa có tiền án, tiền sự, cũng không bị xử phạt vi phạm hành chính gì về hành vi đánh bạc, hành vi tổ chức đánh bạc, gá bạc theo quy định tại Điều 321, 322 BLHS. Công an huyện Phù Ninh ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 26 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ là phù hợp.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 10.980.000đ (Mười triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng) là tiền do các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc chiếu dạng chiếu hình nan tre có họa tiết màu xanh đỏ, đã cũ và 52 quân bài tú lơ khơ mặt sau có họa tiết màu xanh, đã cũ.

- Trả lại cho Nguyễn Thái H1 số tiền 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) do không liên quan đến việc phạm tội.

[9] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào biên bản xác minh tài sản của các bị cáo Cơ quan điều tra đã xác định và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã tự khai. Đối với bị cáo Phạm Ngọc T có tài sản riêng là nhà và đất ở tại khu 3 xã L, ngoài ra T có thu nhập ổn định từ 4.000.000đ đến 5.000.000đ/1 tháng; đối với bị cáo Đỗ Văn D có chỗ ở ổn định cùng mẹ đẻ, có thu nhập bình quân từ 5.000.000đ đến 6.000.000đ/1 tháng. Nên cần phạt bổ sung đối với bị cáo Phạm Ngọc T và Đỗ Văn D từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ xung quỹ nhà nước. Đối với bị cáo Đỗ Văn B không có tài sản riêng gì, B sống cùng bố mẹ đẻ, ngoài ra thu nhập của bị cáo không ổn định vì vậy không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo nhưng buộc bị cáo phải thực hiện công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Bị cáo Nguyễn Văn C1 có tài sản là nhà và đất ở tại khu 2 xã H; thu nhập của bị cáo từ 5.000.000đ đến 6.000.000đ/1 tháng nhưng hiện nay C1 đang phải một mình nuôi ba con còn nhỏ, vợ bị cáo đã mất vì vậy không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo nhưng buộc bị cáo phải thực hiện công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

[10] Trong quá trình điều tra vụ án, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Tất cả các Quyết định tố tụng trong vụ án đều được lập, giao nhận cho những người tham gia tố tụng theo đúng trình tự mà pháp luật quy định.

[11] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Ngọc T; Đỗ Văn B; Đỗ Văn D; Nguyễn Văn C1 phạm tội “Đánh bạc”.

* Áp dụng: khoản 1 điều 321; điểm s khoản 1 điều 51; điều 36 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Phạm Ngọc T** 18 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được trừ 06 ngày tạm giữ được quy đổi thành 18 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải thi hành 17 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Phú Thọ nhận đ- ọc Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Phạm Ngọc T cho UBND xã L, huyện P, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời hạn cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung bị cáo Phạm Ngọc T số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng chẵn). *Số tiền này buộc bị cáo phải nộp làm ba lần trong thời hạn ba tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.*

* Áp dụng: khoản 1 điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 36 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Đỗ Văn D** 24 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được trừ 06 ngày tạm giữ được quy đổi thành 18 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải thi hành 23 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Phú Thọ nhận đ-ợc Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Đỗ Văn D cho UBND xã H, huyện P, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời hạn cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung bị cáo Đỗ Văn D số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng chẵn). *Số tiền này buộc bị cáo phải nộp làm ba lần trong thời hạn ba tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.*

* Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 điều 51; điều 36 của Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xử phạt: **Đỗ Văn B** 12 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được trừ 06 ngày tạm giữ được quy đổi thành 18 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải thi hành 11 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Phú Thọ nhận đ-ợc Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Đỗ Văn B cho UBND xã L, huyện P, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời hạn cải tạo không giam giữ.

Không khấu trừ thu nhập của bị cáo Đỗ Văn B nhưng buộc Đỗ Văn B thực hiện công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. UBND xã L thực hiện việc buộc người bị kết án lao động phục vụ cộng đồng. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

- Xử phạt: **Nguyễn Văn C1** 12 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được trừ 06 ngày tạm giữ được quy đổi thành 18 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải thi hành 11 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Phú Thọ nhận đ-ợc Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Nguyễn Văn C1 cho UBND xã H, huyện P, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời hạn cải tạo không giam giữ.

Không khấu trừ thu nhập của bị cáo Nguyễn Văn C1, nhưng buộc Nguyễn Văn C1 phải thực hiện công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. UBND xã H, huyện P, tỉnh Phú Thọ thực hiện việc buộc người bị kết án lao động phục vụ cộng đồng. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

* Về xử lý vật chứng: Khoản 1, 2 điều 47 BLHS năm 2015; khoản 2 điều 106; khoản 2 điều 136, khoản 1 điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 10.980.000đ (Mười triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng).

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc chiếu dạng chiếu hình nan tre có họa tiết màu xanh đỏ, đã cũ và 52 quân bài tú lơ khơ mặt sau có họa tiết màu xanh, đã cũ.
- Trả lại cho Nguyễn Thái H1 số tiền 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng).

Về án phí: áp dụng các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Phạm Ngọc T; Đỗ Văn B; Đỗ Văn D; Nguyễn Văn C1 phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt đ- ọc quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Nơi nhận:

- VKS huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã L; xã H;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Hồng Vân